TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Điệu;
2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 06/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 20/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1983; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân Q, sinh năm 1985; (Vắng mặt lần thứ hai)

HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Đỗ Thị Th trình bày: Chị và anh Bùi Xuân Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2004. Cho đến năm 2007 thì chị Th, anh Q ly hôn cho đến ngày 25/02/2008 làm thủ tục đăng ký kết hôn lại và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N, huyện N. Sau khi ngày cưới vợ sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh Q không quan tâm đến vợ con. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh Q.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Bùi Thị Th1, sinh ngày 25/9/2005 và Bùi Đức Q1, sinh ngày 21/10/2009. Ly hôn, do điều kiện nơi ở của chị khó khăn và các con chung đã lớn nên chị đề nghị giao cả hai con chung là Bùi Thị Th1 và Bùi Đức Q1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị chưa có điều kiện cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Bùi Xuân Q: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập anh Q đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã Ninh Hải cung cấp: Chị Đỗ Thị Th và anh Bùi Xuân Q kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 25/02/2008 *(trước đó chị Th, anh Q kết hôn vào năm 2004 đến năm 2007 ly hôn)*. Sau ngày cưới vợ chồng ở cùng nhà bố mẹ anh Q, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q chơi bời cờ bạc, nợ nần nhiều. Anh Q trốn nợ không ở nhà chỉ thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Chị Th một mình nuôi hai con, hiện tại còn đang bị bệnh. Nay chị Th khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị Th ly hôn anh Q. Vợ chồng chị Th, anh Q có hai con chung là Bùi Thị Th1, sinh ngày 25/9/2005 và Bùi Đức Q1, sinh ngày 21/10/2009. Hiện tại chị Th đang bị bệnh chỉ đi làm thời vụ do sức khoẻ không ổn định, thu nhập chỉ khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Với điều kiện thu nhập như vậy thì không đủ điều kiện nuôi hai con. Anh Q thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên không nắm bắt được thu nhập của anh Q. Thực tế, địa phương thường xuyên hỗ trợ chị Th vào những dịp lễ tết, ngày kỷ niệm. Ngoài ra, Mặt trận tổ quốc xã phối hợp với Mặt trận tổ quốc huyện xây nhà tình nghĩa cho gia đình. Nhà trường nơi các con chị Th, anh Q đang học tập miễn học phí cho các cháu.

Bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ anh Q) trình bày: bà xác định chị Th, anh Q kết hôn hợp pháp vào năm 2004 cho đến năm 2007 thì ly hôn. Đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn lại. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị Th đã có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Q qua trao đổi với anh Q thì anh Q nhất trí, còn bà thì không liên quan gì. Anh Q, chị Th có hai con chung là Bùi Thị Th1, sinh ngày 25/9/2005 và Bùi Đức Q1, sinh ngày 21/10/2009, do anh Q làm ăn xa thỉnh thoảng về gia đình nên các cháu Th1, cháu Q1 đang ở cùng bà, qua trao đổi thì anh Q thống nhất đề nghị Toà án giao cả hai con cho anh Q nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi (thành niên), anh Q không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con. Do con trai bà đang làm ăn ở xa không thể trực tiếp đến tham gia tố tụng tại Toà án, anh Q vẫn thường xuyên điện thoại liên lạc với bà, thỉnh thoảng có về nhà nhưng lại đi ngay nên các giấy triệu tập, thông báo, Quyết định của Toà án tôi là người nhận và có trách nhiệm giao, thông báo cho anh Q biết.

Tại phiên Tòa: Chị Đỗ Thị Th, anh Bùi Xuân Q vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q; giao con chung là Bùi Thị Th1, sinh ngày 25/9/2005 và Bùi Đức Q1, sinh ngày 21/10/2009 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị chưa cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Đỗ Thị Th ly hôn anh Bùi Xuân Q; giao con chung Bùi Thị Th1, sinh ngày 25/9/2005 và Bùi Đức Q1, sinh ngày 21/10/2009 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không phải cấp dưỡng cho con; Miễn án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) cho chị Đỗ Thị Th theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh Q đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do. Chị Th đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Th và anh Bùi Xuân Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện Ninh Giang nơi sinh sống của anh, chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị Th và anh Q là hợp pháp.

[3] Chị Th khởi kiện xin ly hôn, anh Q biết rõ việc chị Th khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. HĐXX thấy rằng, mặc dù anh Q không đến Toà án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th song tại lời khai của chị Th, Biên bản xác minh ngày 28/12/2022, lời khai của người làm chứng là Bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ anh Q) đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình, anh Q chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều bỏ đi làm ăn xa để trốn nợ nên không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chị Th và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị Th. Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th ly hôn anh Q.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị Th và anh Q hai con chung là Bùi Thị Th1, sinh ngày 25/9/2005 và Bùi Đức Q1, sinh ngày 21/10/2009. Chị Th đề nghị giao cả hai con chung là cháu Th1 và cháu Q1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 28/12/2022, lời khai của Bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ anh Q) cũng như lời khai của cháu Th1 và cháu Q1 đều có nguyện vọng được ở với anh Q. Căn cứ vào điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi

về mọi mặt của con, HĐXX giao con chung là Bùi Thị Th1 và Bùi Đức Q1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th có quan điểm chưa cấp dưỡng cho con, do anh Q không có quan điểm về việc cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Đỗ Thị Th khởi kiện xin ly hôn thuộc đối tượng hộ nghèo có đơn đề nghị miễn án phí án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị Th ly hôn anh Bùi Xuân Q.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho anh Bùi Xuân Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Th1, sinh ngày 25/9/2005 và Bùi Đức Q1, sinh ngày 21/10/2009 cho đến khi các con đủ 18 tuổi (trưởng thành).

Chị Đỗ Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Miễn án phí cho dân sự sơ thẩm (ly hôn). Hoàn trả chị Đỗ Thị Th số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000288, ngày 05 tháng 12 năm 2022.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Đỗ Thị Th, anh Bùi Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã N, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long